

Số: 1259/GPMT-UBND

Cát Hải, ngày 30 tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 11/CVMT-SLS ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; Văn bản số 2305/CVMT-SLS ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của “Dự án đầu tư kinh doanh kho bãi Cảng Hải Phòng” của Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 214/TTr-TNMT ngày 26 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng), địa chỉ trụ sở chính tại: Lô CN2A Khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, thị trấn Cát Hải, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư kinh doanh kho bãi Cảng Hải Phòng – SITC” tại Lô CN2A Khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, thị trấn Cát Hải, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư kinh doanh kho bãi Cảng Hải Phòng – SITC.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN2A Khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, thị trấn Cát Hải, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0202264936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/11/2024. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 4318512468 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 14/11/2024, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 12/02/2025.

1.4. Mã số thuế: 0202264936.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh các dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hoá, các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải và các hoạt động kinh doanh liên quan khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 100.000m².

- Nhóm dự án: Dự án thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất của dự án đầu tư:

+ Công suất của bãi container: 600.000 TEU/năm và lưu chứa khoảng 18.000 vỏ container rỗng/năm;

+ Khu vực sửa chữa vỏ container: Công suất sửa chữa, bảo dưỡng là 2.400 container/năm (chủ yếu là các loại vỏ container của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, Công ty không có dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng cho các vỏ container bên ngoài, không sửa chữa container lạnh).

+ Dịch vụ đóng lẻ hàng: Là nơi thu gom hàng lẻ (đã đóng theo bao, kiện, thùng), được tập trung lại để đóng hàng vào container, lượng hàng: 3.000.000 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép này:

+ Quy trình nhập hàng hóa vào kho/bãi: Bộ phận kinh doanh tiếp nhận khách hàng và ký kết hợp đồng → Thông tin hàng nhập → Bộ phận giao nhận hàng hóa → Bộ phận kỹ thuật kiểm tra hàng → Nhập kho/bãi.

+ Quy trình quản lý hàng tồn kho/bãi: Xuất báo cáo tồn kho → Kiểm tra thực tế → Xác nhận tồn kho, lưu chứng từ.

+ Quy trình xuất kho: Nhận kế hoạch và tạo đơn xuất hàng → Vận chuyển ra vị trí chờ xuất → Xuất hàng lên container, xác nhận, bàn giao chứng từ → Vận chuyển, lưu chứng từ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng)

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày ~~30~~ tháng ~~5~~ năm 2025 đến ngày ~~30~~ tháng ~~5~~ năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT;
- BQL khu kinh tế;
- CT các PCT UBND huyện;
- Phòng NN&MT;
- CVP, PCVP HĐND&UBND huyện;
- UBND thị trấn Cát Hải;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, NN&MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Cường

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1259/GPMT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, không thải ra môi trường).

- Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng) đã ký hợp đồng số DVIZ/CSM/CON/24/23 thuê lại quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ (toàn bộ nước thải sau xử lý của dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng theo quy định của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ bồn cầu, hố tiêu của nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Đường ống D200, độ dốc 0,5% → Hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải từ bồn, chậu rửa, nước thoát sàn của nhà vệ sinh → Đường ống PVC D200, độ dốc 0,5% → Hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải từ nhà ăn → Bể tách mỡ → Đường ống D200, độ dốc 0,5% → Hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa container → Bể lắng tách dầu 3 ngăn → Đường ống D200, độ dốc 0,5% → Hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Bể tự hoại 03 ngăn:

+ Tóm tắt quy trình xử lý sơ bộ: Nước thải từ bồn cầu, hố tiêu của nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Số lượng: 02 bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 10m³/bể.

- Bể tách mỡ 02 ngăn:

+ Tóm tắt quy trình xử lý sơ bộ: Nước thải từ nhà ăn → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Số lượng: 01 bể tách mỡ 02 ngăn, thể tích 5,13m³.

- Bể tách dầu mỡ 03 ngăn:

+ Tóm tắt quy trình xử lý sơ bộ: Nước thải từ rửa container → Ngăn chứa → Ngăn tách dầu → Ngăn lắng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Số lượng: 01 bể tách dầu mỡ 03 ngăn, thể tích 15,36 m³.

- Hệ thống xử lý nước thải:

+ Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga đầu nổi → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng.

+ Công suất thiết kế: 30 m³/ngày, đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng khu vực thu gom và hệ thống thoát nước. Định kỳ hút bùn thải, tránh tồn đọng quá lâu ảnh hưởng đến hiệu quả thoát nước và phát sinh mùi hôi khó chịu. Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Thay thế kịp thời các bộ phận hư hỏng. Trong trường hợp sự cố vỡ đường ống phải ngưng hoạt động làm phát sinh nước thải để tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

- Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, phối hợp với Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ đề xuất phương án xử lý hoặc thuê đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng sau khi lắp đặt xong máy móc thiết bị.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30m³/ngày, đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ Nước thải tại bể gom đầu vào hệ thống xử lý nước thải.

+ Nước thải sau xử lý trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Stt	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nước thải đầu vào tại bể	pH, BOD ₅ , TSS,	Tiêu chuẩn tiếp nhận đầu

	gom của hệ thống xử lý nước thải	TDS, H ₂ S, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ ĐTV, tổng các chất HDBM, Photphat, Tổng Coliforms.	vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng theo quy định của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ
2	Nước thải sau xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN		

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện lấy mẫu đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Số lượng mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của KCN Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm tuân thủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường được cấp thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung không đáp ứng về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ đầu tư có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

- Chủ dự án đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải sau hệ thống xử lý vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng./.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1859/GPMT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 do không có công trình thu gom, xử lý khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định hiện hành.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thường xuyên vệ sinh, quét dọn, cử cán bộ chuyên trách giám sát công tác vệ sinh công nghiệp tại khu vực cầu cảng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ và nâng cao ý thức thực hiện an toàn lao động.

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, bảo dưỡng máy móc, thay các chi tiết hỏng...) đăng kiểm đối với các trang thiết bị vận hành trong khu vực cảng theo đúng quy định.

- Chăm sóc hệ thống cây xanh tại cảng, đảm bảo phủ xanh để giảm thiểu bụi phát tán ra bên ngoài, đồng thời tạo thẩm mỹ, cảnh quan môi trường trong khuôn viên của cảng.

- Chủ dự án đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1859/GPMT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại khu vực cổng ra vào.
- Nguồn số 02: Khu vực máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 03: Khu vực sửa chữa, bảo dưỡng container.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ nguồn số 01: X(m)= 617933; Y(m)= 2302021
- Tọa độ nguồn số 02: X(m)= 618125; Y(m)= 2301519
- Tọa độ nguồn số 03: X(m)= 618123; Y(m)= 2301676

(Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰45' múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.
- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.
- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1859/GPMT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên
khoảng 5.169kg/năm, cụ thể:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	1.600	17 02 03	NH
2	Dầu thủy lực	Lỏng	1.350	17 01 06	NH
3	Vật liệu hấp phụ, giẻ lau, găng tay, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại (bao gồm cả gói thấm dầu từ bể tách dầu mỡ, gói thấm dầu tại ga cuối thoát nước mặt)	Rắn	855	18 02 01	KS
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	25	18 01 02	KS
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	46	18 01 03	KS
6	Xỉ hàn có kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	11	07 04 02	KS
7	Pin, ắc quy thải	Rắn	82	16 01 12 19 06 05	NH
8	Bùn thải từ các rãnh thu, bể lắng tách dầu tại khu vực rửa container; bùn tại hệ thống xử lý nước thải tập trung	Bùn	1.200	17 05 02	NH
	Tổng		5.169		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng
97,98 tấn/năm, cụ thể:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (tấn/năm)	Mã chất thải	Ghi chú
1	Các loại thùng bìa carton, túi nilon, balet (không chứa các thành phần nguy hại)	Rắn	87,35	18 01 05 11 02 04	Phát sinh từ quá trình vệ sinh container rỗng, hoạt động dọn dẹp mặt bằng kho, cảng
2	Sắt, thép, tấm panel,... thải bỏ (không chứa các thành phần nguy hại)	Rắn	0,15	15 01 15 15 01 16	Phát sinh từ quá trình sửa chữa container.
3	Giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	0,15	18 02 02	Hoạt động tại dự án
4	Mực in, hộp chứa mực in văn phòng thải	Rắn/bùn	0,03	08 02 06 08 02 08	
5	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	Bùn	0,3	12 06 11	Hoạt động sinh hoạt và nạo vét hệ thống thoát nước
6	Bùn thải từ bể phốt, hệ thống thoát nước mặt	Bùn	10	12 06 13	
	Tổng		97,98		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 30,186 tấn/năm. Chủ yếu gồm túi nilon, thùng bìa carton, lon nước ngọt, giấy, thức ăn thừa, vỏ hoa quả,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

- Diện tích kho lưu chứa: có 01 kho lưu chứa, diện tích 14m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với

nhau; đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Diện tích kho lưu chứa: có 01 kho lưu chứa, diện tích 14m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho có cửa khép kín, nền bê tông chống thấm, tường bao bằng vật liệu chống cháy, mái lợp tôn chống nóng. Trang bị đầy đủ thiết bị PCCC, đảm bảo quy cách khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Đặt các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực phát sinh chất thải sinh hoạt, dung tích từ 20 – 120 – 200 lít/thùng để thu gom chất thải sinh hoạt.

- Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải rắn sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng chứa riêng biệt, có ký hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~1859~~ GPMT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành./.